

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Lê Đình Quảng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1995; HKTT: Tổ 3, thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ cư trú: Thôn 2A, xã C, huyện S, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Công V, sinh năm 1983; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Phạm Thị Đ đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và bà Đ cũng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn khởi kiện ngày 04/01/2018, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng của nguyên đơn là bà Phạm Thị Đ như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Công V tự nguyện đăng kết hôn vào ngày 17/7/2014, tại UBND xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 84/2014, quyển số 01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Lúc đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông V thường xuyên uống

rượu bia, hút chích ma túy, ghen tuông vô cớ rồi đánh đập gây thương tích cho vợ rất nhiều lần. Từ khi bà nộp đơn ly hôn đến nay, ông V không đồng ý ly hôn nhưng không có biểu hiện gì thay đổi bản thân, vợ chồng bà đã sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Bà xác định không còn yêu thương ông V nữa nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên là Trần Công Trường V, sinh ngày 24/5/2012; Trần Uyên Nhã P, sinh ngày 03/10/2014. Ly hôn, bà xin nuôi con con Trần Công Trường V và Trần Uyên Nhã P, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có. Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã được thanh toán xong ngày 16/3/2018.

Bị đơn là ông Trần Công V tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai như sau:

Ông V thống nhất với bà Đ về thời, điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì không có gì nghiêm trọng. Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016, ông có mua xe máy để bà Đ đi xin việc làm, được 20 ngày thì bà Đ bỏ con lại cho ông rồi đi đâu với ai 4 tháng thì quay về nộp đơn ly hôn, sau đó bà Đ rút đơn, vợ chồng tiếp tục sống cho đến tháng 10/2016 thì bà Đ lại đi tiếp, đến đầu năm 2017 thì bà Đ quay về dẫn cả hai con đi đâu cho đến nay. Bản thân ông theo đạo công giáo nên không muốn ly hôn. Nếu phải ly hôn, bà Đ nuôi con Trần Công Trường V, sinh ngày 24/5/2014; ông xin được nuôi con Trần Uyên Nhã P, sinh ngày 03/10/2012 vì cháu là con gái mà bà Đ làm nghề tiếp thị bia không thích hợp với cháu Phương. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Bà Phạm Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định pháp luật.

Ông Trần Công V đã được Tòa án triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn với ông V. Về con chung: Giao con Trần Công Trường

V và Trần Uyên Nhã P cho bà Đ nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giả quyết. Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao: CMND bà Đ, sổ hộ khẩu chủ hộ Trần Công V, giấy khai sinh con; bản tự khai của bà Đ; biên bản lấy lời khai ông V; biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng; phiếu giao dịch ngày 16/3/2018 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện V.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Phạm Thị Đ và ông Trần Công V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập họp lệ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai nhưng ông V và bà Đ đều vắng mặt; riêng bà Đ có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, không có thêm chứng cứ mới, thủ tục tố tụng đã đảm bảo nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ và ông Trần Công V đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2014 tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 84/2014, quyền số 01/2014 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có giá trị pháp lý. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông V có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà Đ nên bà Đ đã nhiều lần bỏ nhà đi, lần gần đây nhất là đầu năm 2017, bà Đ dẫn theo hai con đến nơi khác sinh sống. Từ khi Tòa án thụ lý đến nay, ông V đến Tòa án với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà Đ kiên quyết ly hôn và không muốn gặp lại ông V để tránh bị tổn thương. Như vậy, đời sống hôn nhân của ông V và bà Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể níu kéo được nữa. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông V.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Công Trường V, sinh ngày 24/5/2012; Trần Uyên Nhã P, sinh ngày 03/10/2014. Ly hôn, bà Đ xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến lợi ích mọi mặt của đứa trẻ. Hiện nay cháu hai cháu Trần Công Trường V và Trần Uyên Nhã P còn nhỏ, cần có sự chăm sóc chu

đáo của người mẹ, hơn nữa mẹ con bà Đ đang sống ổn định cùng nhau trong khi ông V lại có hành vi bạo lực gia đình và đang chờ kết quả xét xử của Tòa án về hành vi cố ý gây thương tích cho người khác nên việc ông V xin nuôi cháu Nhã Phương là không đảm bảo lợi ích toàn diện cho cháu. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Trần Công Trường V và Trần Uyên Nhã P cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6267 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Đ và ông Trần Công V.
2. Về nuôi con chung: Giao con Trần Công Trường V, sinh ngày 24/5/2012; Trần Uyên Nhã P, sinh ngày 03/10/2014 cho bà Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6267 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.
6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã S, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG